

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐIỆN BIÊN

GIÁO TRÌNH

MÔN HỌC: THỐNG KÊ DOANH NGHIỆP

NGÀNH/NGHỀ: KẾ TOÁN

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1156/QĐ-CDKTKTĐB
ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế
Kỹ thuật Điện Biên)*

Điện Biên, năm 2022

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình trên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

LỜI GIỚI THIỆU

Thống kê doanh nghiệp là một bộ phận quan trọng của thống kê nói chung, ra đời và phát triển cùng với sự phát triển của quá trình sản xuất và phân công lao động xã hội. Ngày nay, trong nền kinh tế thị trường, thống kê doanh nghiệp đã phát triển nhanh chóng cả về nội dung và hình thức, đóng một vai trò quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

Xét dưới góc độ lý luận, thống kê doanh nghiệp cung cấp cơ sở lý luận cho việc thống kê hoạt động kinh doanh trên phạm vi vi mô như nghiên cứu các phạm trù kinh tế, hệ thống các chỉ tiêu, phân tích các nhân tố thị trường.

Xét dưới góc độ ứng dụng thực tế thì thống kê doanh nghiệp là một trong những công cụ quản lý hữu hiệu giúp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Thống kê doanh nghiệp cung cấp các thông tin cần thiết cho việc phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nói riêng và đóng góp cho sự phát triển của nền kinh tế nói chung.

Điện Biên, ngày 20 tháng 11 năm 2022

Tham gia biên soạn

1. Chủ biên: ThS. Hoàng Thị Liên
2. Thành viên: ThS. Phạm Thị Hà

MỤC LỤC

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN.....	2
LỜI GIỚI THIỆU	3
GIÁO TRÌNH MÔN HỌC	7
Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của môn học:	7
Mục tiêu của môn học	7
CHƯƠNG I: THỐNG KÊ SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP	8
1.1. Thống kê doanh nghiệp và đối tượng của thống kê doanh nghiệp.....	8
1.1.1. Khái niệm.....	8
1.1.2. Đối tượng của thống kê doanh nghiệp	8
1.2. Nhiệm vụ và nội dung của thống kê doanh nghiệp	8
1.2.1 Nhiệm vụ của thống kê doanh nghiệp.....	8
1.2.2. Nội dung của thống kê doanh nghiệp.....	9
1.3. Hệ thống chỉ tiêu thống kê kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và phương pháp tính toán	9
1.3.1. Chỉ tiêu sản phẩm tính theo hiện vật	9
1.3.2. Chỉ tiêu sản phẩm tính bằng giá trị.....	9
1.4. Thống kê chất lượng sản phẩm.....	12
1.4.1. Sự cần thiết phải nâng cao chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp	12
1.4.2. Các phương pháp thống kê chất lượng sản phẩm.....	12
1.4.3 Thống kê sản phẩm hỏng trong sản xuất.....	15
CHƯƠNG 2: THỐNG KÊ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	18
TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT	18
2.1. Ý nghĩa, nhiệm vụ của thống kê TSCĐ trong doanh nghiệp	18
2.1.1. Khái niệm, phân loại TSCĐ.....	18
2.1.2. Ý nghĩa, nhiệm vụ thống kê tài sản cố định trong doanh nghiệp	19
2.2. Thống kê khả năng sản xuất, phục vụ của tài sản cố định	19
2.2.1. Thống kê khối lượng tài sản cố định	19
2.2.2. Nghiên cứu thống kê tình trạng TSCĐ	20
2.2.3. Thống kê hiệu quả sử dụng TSCĐ	21
2.3. Thống kê thiết bị sản xuất trong doanh nghiệp	21
2.3.1. Thống kê số lượng thiết bị sản xuất.....	21
2.3.2. Thống kê thời gian thiết bị sản xuất	23
2.3.3. Thống kê năng suất thiết bị sản xuất.....	25
2.4. Thống kê tổng hợp sử dụng thiết bị sản xuất	27
CHƯƠNG 3: THỐNG KÊ NGUYÊN VẬT LIỆU	29
TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT	29
3.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ của thống kê NVL trong doanh nghiệp sản xuất	29
3.1.1. Ý nghĩa.....	29
3.1.2. Nhiệm vụ	29
3.2. Thống kê tình hình đảm bảo số và chất lượng nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất	30

3.2.1. Chỉ tiêu khoảng thời gian đảm bảo NVL cho sản xuất	30
3.2.2. Chỉ tiêu số lần nhập và độ dài bình quân của mỗi kỳ nhập	30
3.2.3. Chỉ tiêu hoàn thành kế hoạch nhập NVL	30
3.2.4. Đánh giá tính kịp thời và đúng hạn của việc cung cấp NVL cho quá trình sản xuất.....	30
3.3. Thống kê dự trữ vật tư phục vụ sản xuất.....	31
3.3.1. Chỉ tiêu lượng vật tư dự trữ còn lại cuối kỳ (M_{ck}).....	31
3.3.2. Chỉ tiêu lượng vật tư dự trữ thường xuyên(M_{DTTX})	31
3.3.3. Chỉ tiêu lượng vật tư dự trữ bổ sung (M_{DTBS}).....	31
3.3.4. Chỉ tiêu lượng dự trữ vật tư bảo hiểm cho sản xuất (M_{BHSX})	31
3.3.5. Chỉ tiêu lượng vật tư dự trữ theo thời vụ (M_{DTTV})	31
3.4. Thống kê tình hình sử dụng khối lượng NVL trong quá trình sản xuất.....	31
3.4.1. Thống kê khối lượng, kết cấu NVL tiêu dùng	31
3.4.2. Phương pháp kiểm tra khối lượng NVL tiêu dùng	32
3.5. Thống kê mức tiêu hao NVL cho một đơn vị sản phẩm	33
3.5.1. Phân tích mức hao phí nguyên vật liệu cho một đơn vị sản phẩm bằng phương pháp chỉ số.....	33
3.5.2. Phân tích biến động của mức tiêu hao do ảnh hưởng của các nhân tố cấu thành .	34
4.1. Thống kê lao động trong doanh nghiệp.....	37
4.1.1. Ý nghĩa, nhiệm vụ	37
4.1.2. Thống kê số lượng lao động trong doanh nghiệp.....	37
4.1.3. Thống kê tình hình sử dụng thời gian lao động trong doanh nghiệp	40
4.2. Thống kê năng suất lao động trong doanh nghiệp.....	41
4.2.1. Ý nghĩa, nhiệm vụ	41
4.2.2. Thống kê năng suất lao động trong doanh nghiệp.....	41
4.2.3. Một số phương pháp phân tích biến động sản lượng theo các nhân tố về sử dụng lao động	42
4.3. Thống kê tiền lương trong doanh nghiệp	44
4.3.1. Khái niệm và phân loại quỹ lương trong doanh nghiệp	44
4.3.2. Các chỉ tiêu tiền lương bình quân trong doanh nghiệp và phương pháp phân tích sự biến động.....	44
4.3.3. Phân tích sự biến động quỹ lương.....	45
4.3.4. Phân tích mối quan hệ giữa tốc độ tăng tiền lương bình quân với tốc độ tăng năng suất lao động bình quân	45
CHƯƠNG 5: THỐNG KÊ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM.....	48
TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT.....	48
5.1. Khái niệm chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm	48
5.1.1. Chi phí sản xuất và phân loại chi phí sản xuất	48
5.1.2. Giá thành sản phẩm và các loại giá thành sản phẩm	49
5.2. Ý nghĩa, nhiệm vụ thống kê giá thành sản phẩm	49
5.2.1. Ý nghĩa.....	49
5.2.2. Nhiệm vụ	49
5.3. Nghiên cứu sự biến động của giá thành	50
5.3.1. Thống kê sự biến động của giá thành sản phẩm so sánh được	50

5.3.2. Thống kê tình hình thực hiện kế hoạch giá thành sản phẩm so sánh được.....	50
5.3.4. Thống kê sự biến động của tổng giá thành toàn bộ sản lượng hàng hóa	53
5.4. Thống kê giá thành cho một đồng sản lượng hàng hóa.....	53
5.5. Phân tích giá thành theo khoản mục chi phí.....	55
5.5.1. Phân tích biến động khoản mục chi phí nguyên vật liệu ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm.....	55
5.5.2. Phân tích biến động khoản mục chi phí tiền lương ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm	55
5.5.3. Phân tích biến động khoản mục chi phí sản xuất chung ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm.....	56
CHƯƠNG 6: THỐNG KÊ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH.....	58
TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT.....	58
6.1. Thống kê vốn đầu tư của doanh nghiệp.....	58
6.1.1. Khái niệm và phân loại vốn đầu tư	58
6.1.2. Thống kê vốn đầu tư cơ bản	59
6.1.3. Thống kê biến động khối lượng vốn đầu tư cơ bản	60
6.2. Thống kê vốn kinh doanh của doanh nghiệp.....	60
6.2.1. Một số khái niệm cơ bản.....	60
6.2.2. Thống kê khối lượng và cơ cấu vốn kinh doanh.....	60
6.2.3. Thống kê vốn cố định.....	61
6.2.4. Thống kê vốn lưu động	62
6.3. Thống kê kết quả sản xuất - kinh doanh.....	62
6.3.1. Thống kê tổng doanh thu	62
6.3.2. Thống kê lợi nhuận	62
6.3.3. Thống kê doanh lợi.....	63

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Thống kê doanh nghiệp

Mã môn học: C.TKDN.2.321

Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của môn học:

- Vị trí: Là môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo cao đẳng ngành kế toán, được bố trí học sau các môn học cơ sở

- Tính chất: Là môn học cung cấp những kiến thức cơ bản, nền tảng về thống kê các yếu tố sản xuất cơ bản trong doanh nghiệp như thống kê chất lượng sản phẩm, thống kê lao động tiền lương, thống kê nguyên vật liệu, thống kê giá thành sản phẩm, thống kê các hoạt động tài chính trong doanh nghiệp...

- Ý nghĩa và vai trò của môn học: Thống kê doanh nghiệp nghiên cứu mặt lượng trong mối liên hệ với mặt chất của các sự vật hiện tượng, phân tích tình hình sử dụng các yếu tố sản xuất như sức lao động, tư liệu lao động, đối tượng lao động, phân tích hiệu quả và lợi nhuận kinh doanh của doanh nghiệp, cung cấp thông tin giúp cho việc ra quyết định của nhà quản trị được đúng đắn và hiệu quả, kịp thời.

Mục tiêu của môn học

- Về kiến thức: Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về thống kê doanh nghiệp.

+ Người học phân biệt được các phương pháp để áp dụng thống kê các yếu tố trong quá trình sản xuất.

- Về kỹ năng:

+ Người học phân tích được sự biến động của các yếu tố sản xuất trong doanh nghiệp.

+ Áp dụng kiến thức đã học vào giải các bài tập thống kê doanh nghiệp.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nghiêm túc, cẩn thận, trung thực khi nghiên cứu

+ Có ý thức học tập, biết suy luận, kết hợp lý luận với thực tiễn.

Nội dung của môn học

CHƯƠNG I: THỐNG KÊ SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP

Giới thiệu: Thông thường, một sản phẩm nào đó khi sản xuất đòi hỏi phải đạt được đồng thời rất nhiều tiêu chuẩn. Có khi sản phẩm làm ra có hình thức đẹp, chất liệu tốt nhưng chỉ cần một chi tiết nhỏ nào đó không đạt tiêu chuẩn đã làm suy giảm uy tín của nhà sản xuất. Vì thế, việc nâng cao chất lượng sản phẩm là vấn đề cơ bản quyết định khả năng tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Thống kê sản phẩm trong doanh nghiệp tập trung nghiên cứu thống kê về số lượng, chất lượng, hệ số phẩm cấp của sản phẩm trong doanh nghiệp, đưa ra các thông tin cần thiết phục vụ cho việc dự báo cũng như lập kế hoạch sản xuất của doanh nghiệp.

Mục tiêu: Người học trình bày được hệ thống chỉ tiêu thống kê kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tính toán được các chỉ tiêu đánh giá chất lượng sản phẩm trong doanh nghiệp.

Nội dung chính:

1.1. Thống kê doanh nghiệp và đối tượng của thống kê doanh nghiệp

1.1.1. Khái niệm

Thống kê doanh nghiệp là một môn học trong hệ thống môn học thống kê, nghiên cứu mặt lượng trong mối liên hệ chặt chẽ với mặt chất của các hiện tượng và sự kiện xảy ra trong phạm vi doanh nghiệp và ngoài phạm vi doanh nghiệp có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp qua từng thời gian nhất định.

1.1.2. Đối tượng của thống kê doanh nghiệp

- Nghiên cứu mặt lượng trong mối liên hệ mật thiết với mặt chất của các hiện tượng và các quá trình kinh tế - tài chính.
- Nghiên cứu các hiện tượng kinh tế - tài chính số lớn
- Hiện tượng kinh tế tài chính phát sinh trong các doanh nghiệp sản xuất
- Nghiên cứu các hiện tượng kinh tế - tài chính phát sinh trong quá trình tái sản xuất của doanh nghiệp sản xuất, trong điều kiện thời gian và địa điểm cụ thể.

1.2. Nhiệm vụ và nội dung của thống kê doanh nghiệp

1.2.1 Nhiệm vụ của thống kê doanh nghiệp

Thống kê doanh nghiệp là một môn khoa học thống kê để phục vụ cho công tác quản lý của doanh nghiệp, do đó môn học này thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Thu thập các thông tin liên quan đến các yếu tố đầu vào của quá trình tái sản xuất của doanh nghiệp.
- Thu thập thông tin phản ánh tình hình sản xuất, tiêu thụ, sản phẩm, các thông tin chi phí sản xuất, giá thành.....
- Cung cấp những thông tin cần thiết làm cơ sở để xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong thời gian tới.
- Phân tích các thông tin thu thập làm cơ sở lựa chọn các giải pháp củng cố và phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Thường xuyên lập báo cáo thống kê định kỳ theo yêu cầu của địa phương, của ngành chủ quản hoặc của các cơ quan thống kê.....

1.2.2. Nội dung của thống kê doanh nghiệp

- Thống kê kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp
- Thống kê chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp
- Thống kê tài sản cố định của doanh nghiệp
- Thống kê nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất
- Thống kê tình hình sử dụng lao động, năng suất lao động và tiền lương trong doanh nghiệp
- Thống kê giá thành sản phẩm của doanh nghiệp
- Thống kê các hoạt động tài chính trong doanh nghiệp

1.3. Hệ thống chỉ tiêu thống kê kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và phương pháp tính toán

1.3.1. Chỉ tiêu sản phẩm tính theo hiện vật

1.3.1.1. Chỉ tiêu nửa thành phẩm

Nửa thành phẩm là sản phẩm được hoàn thành ở một hoặc một số khâu trong các công đoạn sản xuất của doanh nghiệp nhưng chưa đến khâu sản xuất cuối cùng.

1.3.1.2. Chỉ tiêu sản phẩm quy ước

Lượng sản phẩm quy ước = \sum (lượng sản phẩm x hệ số tính đổi)

$$Q = \sum(q_i \times H_i)$$

Trong đó: H_i là hệ số tính đổi

Q là sản lượng hiện vật quy ước

q_i là sản lượng hiện vật với quy cách i

$$H_i = \frac{\text{Đặc tính của sản phẩm cần đưa về quy ước}}{\text{Đặc tính của sản phẩm quy ước}}$$

1.3.2. Chỉ tiêu sản phẩm tính bằng giá trị

1.3.2.1. Giá trị sản xuất

Là toàn bộ giá trị của các sản phẩm vật chất và dịch vụ hữu ích do lao động của doanh nghiệp làm ra trong một thời kỳ nhất định, thường là tháng, quý, năm.

1.3.2.2. Giá trị tăng thêm

*** Giá trị sản xuất của doanh nghiệp công nghiệp**

Giá trị sản xuất công nghiệp bao gồm:

- Giá trị thành phẩm sản xuất bằng nguyên vật liệu của doanh nghiệp
- Giá trị thành phẩm sản xuất bằng nguyên vật liệu của khách hàng
- Giá trị các công việc có tính chất công nghiệp làm cho bên ngoài đã hoàn thành trong kỳ
- Chênh lệch giữa cuối kỳ trừ đầu kỳ của giá trị sản phẩm dở dang, công cụ mô hình tự chế
- Doanh thu bán phế liệu, phế phẩm
- Giá trị sản phẩm tính theo quy định đặc biệt

- Doanh thu cho thuê thiết bị máy móc thuộc dây chuyền sản xuất của doanh nghiệp có người điều hành đi kèm

- Bán thành phẩm của hoạt động công nghiệp không tiếp tục chế biến, bán ra ngoài

Phương pháp tính

- Phương pháp 1: Cộng theo yếu tố

- Phương pháp 2: Cộng theo doanh thu

GO = doanh thu tiêu thụ sản phẩm sản xuất chính

+ Doanh thu tiêu thụ sản phẩm sản xuất phụ

+ Doanh thu bán phế liệu, phế phẩm

+ Chênh lệch cuối kỳ so với đầu kỳ giá trị thành phẩm tồn kho

+ Chênh lệch cuối kỳ so với đầu kỳ giá trị sản phẩm dở dang, công cụ mô hình tự chế

+ Chênh lệch cuối kỳ so với đầu kỳ giá trị hàng hóa gửi bán chưa thu được tiền

+ Giá trị sản phẩm tính theo quy định đặc biệt

+ Tiền thu được do cho thuê máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất của doanh nghiệp

Hoặc tính theo công thức

$$GO = \sum \text{CPSX trong kỳ} + \text{thuế sản xuất} + \text{Lợi tức thuần từ HDSXKD}$$

*** Giá trị sản xuất của doanh nghiệp nông lâm nghiệp**

$$\text{GTSX nông, lâm nghiệp} = \text{GTSX ngành trồng trọt} + \text{GTSX ngành chăn nuôi} + \text{GTSX lâm nghiệp} + \text{GT của hoạt động dịch vụ}$$

Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp

(1) Giá trị sản phẩm ngành trồng trọt bao gồm: giá trị sản phẩm chính, phụ của các loại cây trồng

(2) Giá trị sản phẩm chăn nuôi

- Giá trị trọng lượng thịt hơi tăng thêm trong kỳ của gia súc, gia cầm

- Giá trị các loại sản phẩm chăn nuôi thu được không phải thông qua giết thịt súc vật

- Giá trị các loại sản phẩm chăn nuôi thu được trong kỳ

(3) Chênh lệch giá trị sản xuất sản phẩm dở dang của trồng trọt và chăn nuôi cuối năm so với đầu năm

(4) Giá trị các hoạt động dịch vụ phục vụ cho trồng trọt và chăn nuôi trong doanh nghiệp và làm thuê cho bên ngoài.

Giá trị sản xuất lâm nghiệp

- Giá trị công việc khai thác gỗ và lâm sản trên rừng trồng và rừng tự nhiên do doanh nghiệp quản lý

- Giá trị công việc trồng mới, chăm sóc tu bổ rừng tự nhiên và rừng trồng do doanh nghiệp thực hiện

- Thu nhập các nguyên liệu trong rừng

- Các hoạt động dịch vụ lâm nghiệp